

Bản án số: 1489/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát;

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1606/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 5490/2022/QĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đức P, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 217 (căn nhỏ), tầng X, lô D, chung cư Cô G, phường Cô G, Quận Y, Thành phố H (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lã Thị M; sinh năm 1966; Địa chỉ: Nhà số 146, khu X, đường Yaroslavskoe S, thành phố M, Liên Bang N (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/12/2020 và lời khai của nguyên đơn – ông Phạm Đức P thì:

Ông và bà Lã Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 18/6/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó bà M trở lại Nga, ông ở Việt Nam. Khi sống xa nhau, vợ chồng

không còn liên lạc, tình cảm, quan tâm, chăm sóc và bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không thể đoàn tụ vì khoảng cách địa lý. Trong tương lai ông sinh sống và làm việc ở Việt Nam, bà M thì định cư tại Liên Bang Nga. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm không còn ông khởi kiện ly hôn bà Lã Thị M.

Ông và bà M không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Liên Bang Nga, nơi bị đơn – bà Lã Thị M cư trú, để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn – bà Lã Thị M không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Đức P và bà Lã Thị M là hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn - ông Phạm Đức P thì hiện tại ông và bà M ở hai nước khác nhau nên khó có thể đoàn tụ; tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Đức P yêu cầu ly hôn bà Lã Thị M. Tòa án đã ủy thác tư pháp hợp lệ cho cơ quan có thẩm quyền của Liên Bang Nga để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn - bà Lã Thị M không có văn bản trả lời, vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Đức P.

Ông Phạm Đức P trình bày: Ông và bà M không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Đức P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lã Thị M đang cư trú tại Liên Bang Nga nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điểm a khoản 2, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Lã Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông Phạm Đức P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Lã Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Đức P và bà Lã Thị M.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 18/6/2018 do Ủy ban nhân dân phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Đức P và bà Lã Thị M là hợp pháp. Từ năm 2018 đến nay, ông Phạm Đức P và bà Lã Thị M đã không chung sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông Phạm Đức P có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Đức P trình bày ông và bà Lã Thị M không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Phạm Đức P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Đức P được ly hôn bà Lã Thị M.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Đức P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093802 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Đức P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với ông Phạm Đức P và 01 (một) tháng đối với bà Lã Thị M kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA Dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND phường Cô Giang, Quận 1;
- Lưu: HSVA, VT (22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh

**S
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**